TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DS-ST
Ngày 16/4/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sử Văn Trai Em
2. Ông Lê Văn Tỵ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lê Thị Sương.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 368/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2026/QĐST-DS ngày 30/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: 113/1 ấp Thạnh T, xã Thạnh H, tỉnh V.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1996. Địa chỉ: 11/5 ấp Thạnh M, xã Thạnh P, tỉnh V.

Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1970. Địa chỉ: 224/1 ấp Thạnh L, xã Thạnh P, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên vào ngày 24/9/2025 ông Phạm Văn L có hỏi vay của ông Lê Văn H số tiền 400.000.000 đồng và có thỏa thuận trong 03 ngày trả lại cho ông H. Mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Sau đó ông L nhiều lần hứa hẹn trả lại tiền cho ông H nhưng không thực hiện. Vì vậy, ông H yêu cầu ông Phạm Văn L có nghĩa vụ trả lại số tiền 400.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày thụ L vụ án đến khi giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn L đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Văn H yêu cầu ông Phạm Văn L trả số tiền vay là 400.000.000 đồng và yêu cầu ông L trả lãi 0,83%/tháng từ ngày Tòa án thụ L vụ án (03/12/2025) đến ngày giải quyết xong vụ án (16/4/2026). Căn cứ ông H khởi kiện ông L là Giấy vay tiền và cam kết trả nợ đề ngày 24/9/2025 có nội dung «*Tên tôi Phạm Văn L, thẻ căn cước số 083070009243, địa chỉ ấp Thạnh Lộc, Thạnh Phong, Thạnh Phú. Vì cần tiền đáo hạn Ngân hàng tại Argibank Giao Thạnh chi nhánh Giao Thạnh, Vĩnh Long nên tôi vay của ông Lê Văn H, địa chỉ ấp Thạnh Thới A, xã Thạnh Hải, Thạnh Phú, Bến Tre số tiền 400.000.000 (Bằng chữ bốn trăm triệu đồng), thời gian trả nợ 3 ngày, tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền nêu trên. . .*"

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ (trong đó có giấy vay tiền nêu trên) cho ông Phạm Văn L nhưng ông đều vắng mặt và không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Do đó căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định ông Phạm Văn L có vay của ông Lê Văn H số tiền 400.000.000 đồng, ông L chưa trả cho ông H số tiền đã vay nên ông H yêu cầu ông L trả số tiền này là có căn cứ. Buộc ông L có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông H yêu cầu ông L trả lãi chậm trả đối với số tiền vay. Theo giấy vay tiền đề ngày 24/9/2025 không có ghi lãi suất, thời hạn vay là 03 ngày, ông L không có ý kiến gì về lãi suất đối với số tiền vay nên có căn cứ xác định ông L vay tiền của ông H không có lãi suất. Do đó, ông H yêu cầu ông L trả lãi chậm trả với lãi suất 0,83%/tháng là phú hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi ông H yêu cầu được tính như sau:

400.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 04 tháng 13 ngày = 14.718.600 đồng (tiền lãi tính từ ngày thụ L vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm).

Tổng số tiền vốn và lãi ông L có nghĩa vụ trả cho ông H là: 400.000.000 đồng + 14.718.600 đồng = 414.718.600 đồng.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận toàn bộ nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/QH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

18.000.000 đồng + (14.718.600 đồng x 4%) = 18.588.700 đồng.

Do ông H được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các 26, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc ông Phạm Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H số tiền 414.718.600 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 18.718.600 đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Văn L có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.588.700 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDKV9-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b) ;
- Các đương sự (2b)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở